

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
Cho quý 2 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

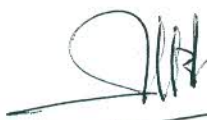
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		370,073,740,732	486,227,472,258
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15,935,396,451	54,918,347,358
111	1. Tiền		15,935,396,451	19,918,347,358
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	35,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		154,960,500,430	173,080,171,139
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	48,848,988,204	66,236,105,037
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7,505,132,153	9,862,537,103
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		40,730,483,000	40,730,483,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	57,875,897,073	56,251,045,999
140	IV. Hàng tồn kho	7	194,335,976,576	257,635,595,519
141	1. Hàng tồn kho		194,335,976,576	257,635,595,519
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4,841,867,275	593,358,242
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		593,358,242	593,358,242
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	4,248,509,033	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		76,986,842,852	57,299,799,232
220	II. Tài sản cố định		39,104,494,732	36,767,061,914
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	39,104,494,732	36,767,061,914
222	- Nguyên giá		44,269,078,059	40,814,360,060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5,164,583,327)	(4,047,298,146)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7	1,248,002,365	696,616,816
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,248,002,365	696,616,816
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	35,973,851,361	19,723,851,361
251	1. Đầu tư vào công ty con		9,180,000,000	9,180,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3,700,000,000	3,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23,860,000,000	7,610,000,000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(766,148,639)	(766,148,639)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		660,494,394	112,269,141
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		660,494,394	112,269,141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		447,060,583,584	543,527,271,490

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho quý 2 năm 2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		282,158,106,422	378,179,916,384
310	I. Nợ ngắn hạn		282,158,106,422	378,179,916,384
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	23,479,398,613	27,474,323,284
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		123,436,021,742	234,752,527,999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	928,481,092	8,292,988,714
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		6,241,756,961	13,855,057,158
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	70,124,442,452	70,395,191,998
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9	56,456,458,330	22,560,000,000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,491,547,232	849,827,231
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		164,902,477,162	165,347,355,106
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	164,902,477,162	165,347,355,106
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99,999,440,000	99,999,440,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		99,999,440,000	99,999,440,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		53,947,807,106	52,096,863,252
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10,955,230,056	13,251,051,854
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		14,005,225	2,428,397,334
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		10,941,224,831	10,822,654,520
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		447,060,583,584	543,527,271,490


Lại Huy Mạnh
Người lập

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng**Vương Đăng Phương**
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho quý 2 năm 2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2016	Quý 2 năm 2015	Lũy kế năm 2016	Lũy kế năm 2015
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	102,460,891,024	45,416,578,707	175,251,972,165	94,934,623,558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	789,949,091	-	789,949,091
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		102,460,891,024	44,626,629,616	175,251,972,165	94,144,674,467
11	4. Giá vốn hàng bán	16	89,194,914,068	40,861,070,539	153,463,921,912	86,275,044,984
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13,265,976,956	3,765,559,077	21,788,050,253	7,869,629,483
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	340,452,065	1,132,028,467	520,613,843	1,723,396,306
22	7. Chi phí tài chính	18	503,456,502	535,006,333	1,290,937,124	1,304,563,879
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>503,456,502</i>	<i>535,006,333</i>	<i>1,290,937,124</i>	<i>1,304,563,879</i>
24	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	3,514,071,626	1,770,912,621	6,828,871,754	4,671,453,132
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9,588,900,893	2,591,668,590	14,188,855,218	3,617,008,778
31	11. Thu nhập khác		20,929,039	316,268,392	20,929,039	628,753,402
32	12. Chi phí khác		45,636,364	-	45,636,364	-
40	13. Lợi nhuận khác		(24,707,325)	316,268,392	(24,707,325)	628,753,402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
 Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho quý 2 năm 2016

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9,564,193,568	2,907,936,982	14,164,147,893	4,245,762,180
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	2,151,842,372	490,548,907	3,171,923,062	790,069,221
52	16. Thù lao thành viên HĐQT, ban kiểm soát	.c	37,500,000	-	51,000,000	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7,374,851,196</u>	<u>2,417,388,075</u>	<u>10,941,224,831</u>	<u>3,455,692,959</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		737	242	1,094	346



Lại Huy Mạnh
 Người lập



Trịnh Duy Hoàn
 Kế toán trưởng




Vương Đăng Phương
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2016	đầu năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14,164,147,893	4,245,762,180
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1,117,285,182	604,242,912
03	- Các khoản dự phòng		-	(1,048,528,000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(520,613,843)	(1,723,396,306)
06	- Chi phí lãi vay		1,290,937,124	1,304,563,879
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16,051,756,356	3,382,644,665
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6,285,543,557	9,481,550,143
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		63,299,618,943	14,955,018,746
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(129,382,786,897)	6,709,210,292
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(548,225,253)	59,235,690
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2,255,454,182)	(905,095,477)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3,497,949,597)	(2,937,423,450)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3,295,424,774)	(585,596,667)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(53,342,921,847)	30,159,543,942
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4,006,103,548)	(1,568,124,364)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(152,000,000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16,250,000,000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		719,616,158	1,674,790,727
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19,536,487,390)	(45,333,637)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		61,061,958,330	7,735,663,000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(27,165,500,000)	(52,530,951,037)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33,896,458,330	(44,795,288,037)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(38,982,950,907)	(14,681,077,732)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		54,918,347,358	42,138,033,113
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		15,935,396,451	27,456,955,381

Lại Huy Mạnh
Người lập

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng

Vương Đăng Phương
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý 2 năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 22 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 99.999.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 31 tháng 12 năm 2015 là 99.999.440.000 đồng; tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

